

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/DS-ST

Ngày: 11/7/2017

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị YẾN.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Huy Hoàng;

2. Ông Trần Văn Ất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông T, sinh năm: 1969, địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà V, sinh năm 1979 và ông P, sinh năm 1975, cùng địa chỉ: Tiểu khu X, thôn U, xã Q, thị xã N, tỉnh Đắk Nông (Nay là thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Đắk Nông) - Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà N, sinh năm: 1966; anh H, sinh năm: 1991; chị G, sinh năm: 1994 và chị B, sinh năm: 1998, cùng địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên: Ông T, sinh năm: 1969, địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện G, tỉnh Đắk Nông (Giấy ủy quyền số 15, 16, 17 và 18, quyền số 01 ngày 22/02/2017) - Có mặt.

4. *Người làm chứng:* Chị D, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T trình bày: Vào ngày 29/10/2016, gia đình ông T có bán cho bà V và ông P, cùng trú tại: Tiểu khu X, thôn U, xã Q, thị xã N, tỉnh Đắk Nông (Nay là thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Đắk Nông) 18.721kg khoai lang với tổng số tiền là 168.000.000 đồng. Số tiền trên, bà V và ông P đã trả cho gia đình ông T được 58.455.000 đồng và còn nợ lại 109.545.000 đồng. Do chậm trả nợ cho gia đình ông T nên ngày 11/11/2016 bà V và ông P đã viết “*Giấy mượn tiền*” gia đình ông T với tổng số tiền còn lại là 109.545.000 đồng và hẹn đến ngày 15/11/2016 sẽ trả hết số tiền trên cho gia đình ông T. Đến ngày trả nợ thì bà V và ông P chỉ trả cho gia đình ông T được 39.545.000 đồng và còn nợ lại 70.000.000 đồng. Đối với số nợ 70.000.000 đồng còn lại gia đình ông T đã nhiều lần đòi nhưng bà V và ông P vẫn cố tình không trả.

Vì vậy, gia đình ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông P phải trả cho gia đình ông T số tiền nợ còn lại do mua khoai lang là 70.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà V và ông P đã được Tòa án gửi, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để tiến hành làm việc, lấy lời khai, hòa giải, đối chất nhưng bà V và ông P không có mặt. Qua xác minh thì bà V và ông P đang có rẫy và có nhà tại thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên bà V và ông P thường xuyên vắng nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản của Tòa án theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà V và ông P vẫn vắng mặt không có lý do.

Bà N là vợ của ông T; anh H, chị G, chị B là con của ông T quá trình Tòa án giải quyết có ủy quyền cho ông T đại diện tại Tòa án để yêu cầu giải quyết việc mua bán khoai lang của gia đình.

Người làm chứng chị D trình bày: Chị D không có mối quan hệ họ hàng gì với bà V và ông P, ông T. Chị là người mua khoai lang do bà V và ông P bán lại nên biết bà V và ông P, ông T. Chị D có nghe nói bà V và ông P mua khoai lang của ông T và còn nợ ông T, đến ngày 11/11/2016 bà V và ông P có viết “*Giấy mượn tiền*” cho ông T nhưng thực tế đó là số tiền mua khoai lang còn nợ ông T 70.000.000 đồng, chị D ký tên với tư cách là người làm chứng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà V và ông P phải trả số tiền còn nợ 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà V và ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N căn cứ vào Điều 428, Điều 438 đề nghị Tòa án buộc bà V và ông P phải trả cho ông T số tiền 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông P phải trả cho gia đình ông T số tiền còn nợ do mua khoai lang là 70.000.000 đồng theo “*Giấy mượn tiền*” ngày 11/11/2016 ký kết giữa ông T với bà V và ông P nhưng thực tế giữa hai bên không có vay mượn mà do bà V và ông P nợ tiền mua khoai lang nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà V và ông P đang cư trú tại thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà V và ông P: Bà V và ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà V và ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét hợp đồng mua bán giữa ông T với bà V và ông P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 29/10/2016, ông T có bán cho bà V và ông P khoai lang, việc mua bán không lập thành văn bản nhưng các bên đã thực hiện việc giao nhận hàng là 18.721kg khoai lang với tổng số tiền là 168.000.000 đồng. Hợp đồng mua bán dựa trên cơ sở tự nguyện, việc mua bán tài sản là phù hợp với quy định của Điều 428, Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên việc mua bán giữa ông T với bà V và ông P là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3.1] Theo “*Giấy mượn tiền*” ngày 11/11/2016, bà V và ông P còn nợ ông T với tổng số tiền còn lại là 109.545.000 đồng và hẹn đến ngày 15/11/2016 sẽ trả hết số tiền trên cho gia đình ông T. Theo lời khai ông T thì bà V và ông P đã trả 39.545.000 đồng và còn nợ lại 70.000.000 đồng. Nội dung nợ có thể hiện hiện trong “*Giấy mượn tiền*” ngày 11/11/2016. Chị D là người làm chứng cũng khai chị có biết việc ông T bán khoai lang cho bà V và ông P và chị ký tên làm chứng vào “*Giấy mượn tiền*” ngày 11/11/2016. Theo quy định tại Điều 438 của Bộ luật dân sự, quy định về nghĩa vụ trả nợ như sau:

Điều 438. Nghĩa vụ trả tiền

“1. Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thoả thuận; nếu không có thoả thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản.”

[3.2] Như vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông P phải trả cho ông T số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà V và ông P phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 70.000.000 đồng x 5% = 3.500.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Áp dụng Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà V và ông P.

Buộc bà V và ông P phải trả cho ông T số tiền còn nợ do mua bán khoai lang là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bà V và ông P phải nộp 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đắk Nông.

Hoàn trả cho ông T 1.750.000đ (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001511 ngày 10/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yên